

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **16** /GCN-SXD(GĐXD)

Hà Nội, ngày **26** tháng 12 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 34/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội và số 27/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016;

Căn cứ Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng Việt Nam BVĐ; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 29/11/2023; Văn bản ngày 08/12/2023 của Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng Việt Nam BVĐ về việc bổ sung hồ sơ xin cấp GCN đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm cho phòng thí nghiệm LAS-XD; Biên bản kiểm tra đánh giá nội dung khắc phục ngày 21/12/2023 giữa các thành viên đoàn đánh giá và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng Việt Nam BVĐ.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần (Giấy phép đầu tư) số: 0107361344 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 3 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 15 tháng 12 năm 2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh số 3 - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.



(Handwritten signature)

Địa chỉ: Thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 0988.683.336.

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật liệu và kết cấu xây dựng.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 24.018.**

3. Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 867/GCN-BXD ngày 18/12/2018 của Bộ Xây dựng và có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng Việt Nam BVĐ;
- Bộ Xây dựng;
- Đ/c Giám đốc Sở XD; (để báo cáo)
- Đ/c Hoàng Cao Thắng-PGD SXD;
- Lưu: VT, CCGĐXD (H.A.Tuấn 08b).

[Handwritten signatures]



Hoàng Cao Thắng

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.018**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số 16 /GCN-SXD(GĐXD) ngày 26 tháng 12 năm 2023)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ NGHIỆM XI MĂNG, CLANKE	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:2003
2	Xác định cường độ	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định thời gian đông kết của vữa xi măng bằng kim Vicat cải biến	TCVN 8875:2012
5	Xác định độ đông cứng sớm bằng dụng cụ Vicat	TCVN 10653:2015
6	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:2004
7	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sulfat	TCVN 7713:2007
8	Xác định độ co khô của vữa	TCVN 8824:2011
9	Xác định độ nở hãm của vữa xi măng nở	TCVN 8874:2012
10	Xác định hàm lượng bột khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012
11	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2012
12	Xác định độ ẩm, cỡ hạt, chỉ số nghiền clanke	TCVN 7024:2013
13	Phân tích thành phần hóa học: SiO ₂ , SO ₃ , Fe ₂ O ₃ , AL ₂ O ₃ , CaO, MgO, MnO, CL, K ₂ O và Na ₂ O hòa tan, Cặn không tan, Hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:08; TCVN 7711: 2013; BS 196:05
II	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU	
14	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
15	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
16	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
17	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
18	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
19	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
20	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét và hàm lượng sét cục	TCVN 7572-8:2006
21	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
22	Xác định cường độ, độ bền nén, chịu kéo khi bừa	TCVN 7572-10:2006
23	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
24	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
25	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
26	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006
27	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006
28	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit	TCVN 7572-16:2006
29	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá, hạt nhẹ	TCVN 7572-17:2006
30	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
31	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
32	Xác định khối lượng riêng của đá (xây dựng công trình thủy lợi) trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
33	Xác định độ ẩm, độ hút nước của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
34	Xác định khối lượng thể tích của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014
35	Xác định độ bền cắt của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014
36	Xác định độ bền nén một trục của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
37	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
38	Xác định các chỉ tiêu của cốt liệu nhẹ cho bê tông	TCVN 6221:1997
39	Xác định hệ số đương lượng cát	AASHTO T176-02
III	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
40	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
41	Xác định độ cứng vebe	TCVN 3107: 2022
42	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022
43	Xác định hàm lượng bột khí vữa bê tông	TCVN 3111: 2022
44	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112: 2022
45	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022
46	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
47	Xác định khối lượng thể tích của bê tông nặng	TCVN 3115:2022
48	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
49	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022
50	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
51	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
52	Xác định cường độ kéo khi bẻ/chẻ	TCVN 3120:2022; TCVN 8862:2011
53	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5276:2022
54	Xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012
55	Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật bê tông tự lên	TCVN 12209:2018
56	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ cấu kiện	TCVN 12252:2020
IV	THỬ NGHIỆM CÔNG, VẬT LIỆU BẰNG BÊ TÔNG VÀ ĐÁ	
57	Cống hộp: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, cường độ bê tông	TCVN 9116:2012
58	Cống tròn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, cường độ bê tông	TCVN 9113: 2012
59	Gối cống: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, thử tải	TCVN 10799:2015
60	Bó vỉa: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, thử tải	TCVN 10797:2015
V	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
61	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
62	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
63	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
64	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
65	Xác định thời gian đông kết vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; TCVN 11971:2018
66	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
67	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 9204:2012
68	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022
69	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022
70	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
71	Xác định lượng vón cục trên sàng	TCVN 11971:2018
72	Xác định độ chảy và độ chảy lan tỏa	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018
73	Xác định độ tách nước và thay đổi thể tích	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018
VI	THỬ NGHIỆM GẠCH ĐẤT SÉT NUNG	
74	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
75	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
76	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
77	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
78	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
79	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
80	Xác định độ tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
81	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
VII	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
82	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ bền nén, Xác định độ hút nước, Xác định độ rỗng, Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
VIII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẸ	
83	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt, Xác định cường độ nén, Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017
IX	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
84	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, Xác định độ hút nước, Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
X	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO	
85	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, Xác định độ hút nước, Xác định độ chịu mài mòn, Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
XI	THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
86	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, Xác định độ mài mòn, Xác định độ hút nước, Xác định độ chịu lực va đập xung kích, Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 6065:1995

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	toàn viên, Xác định độ cứng lớp mặt	
XII	THỬ NGHIỆM GẠCH LÁT GRANITO	
87	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ mài mòn lớp mặt và độ chịu lực xung kích, Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
XIII	THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT	
88	Kiểm tra kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
89	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
90	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016
91	Xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415-5:2016
92	Xác định độ chịu mài mòn sâu	TCVN 6415-6:2016
93	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 6415-7:2016
94	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016
95	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016
96	Xác định hệ số giãn nở âm	TCVN 6415-10:2016
97	Xác định độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2016
98	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
XIV	THỬ NGHIỆM ĐÁ TỰ NHIÊN, ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO	
99	Đá tự nhiên: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
100	Đá nhân tạo: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, mài mòn sâu, độ cứng vạch bề mặt tính theo thang Mohs	TCVN 8057:2009
XV	THỬ NGHIỆM ĐẤT, VẬT LIỆU ĐẬP	
101	Xác định khối lượng riêng của đất	TCVN 4195:12;
102	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất	TCVN 4196:2012
103	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy của đất	TCVN 4197:2012
104	Xác định thành phần hạt của đất	TCVN 4198:2014
105	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:1995; TCVN 8725:2012
106	Xác định tính nén lún của đất	TCVN 4200:2012
107	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:12, 22TCN333:06; TCVN 12790:2020
108	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 4202:2012
109	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
110	Thí nghiệm đầm nén proctor đất, đá dăm	TCVN 12790:2020
111	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm	TCVN 12792:2020; 22TCN 332- 06
112	Xác định các đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
113	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
114	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
115	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012
116	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
117	Gia cố nền đất yếu bằng phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
XVI	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
118	Xác định cường độ nén bê tông sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
119	Xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
120	Kiểm tra đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 13537:2022
121	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong kết cấu bê tông cốt thép bằng phương pháp điện từ	TCVN 9356:2012
122	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích của kết cấu nền đắp tại hiện trường	22TCN 02-71; 22TCN 346-06; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020;
123	Xác định độ bằng phẳng bề mặt các lớp kết cấu đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
124	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
125	Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012;
126	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
127	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
128	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
129	Thử nghiệm cọc tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
130	Xác định tính đồng nhất của bê tông cọc khoan nhồi bằng phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
131	Xác định cường độ kéo nhỏ vật liệu	TCVN 9490:2012
132	Kiểm tra tiếp địa, chống sét	TCVN 9385:2012
133	Thử áp lực đường ống	TCVN 7972:2008
134	Kiểm tra tính chất cơ lý và tính năng làm việc của gối cầu và khe co giãn	TCVN 10308:2014; TCVN 13067:2020
XVII	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI, MỎI HÀN	
135	Thử kéo, nén, uốn, uốn lại kim loại	TCVN 197-1:2014; TCVN 198:2008; TCVN 7937-1,2,3:2013; TCVN 6287:1997; TCVN 314:2008; TCVN 1830:2008

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
136	Mối hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:10; TCVN 5403:10; TCVN 8310:10; TCVN 8311:10
137	Mối hàn kim loại: Thử uốn	TCVN 5402:10
138	Kiểm tra không phá hủy mối hàn bằng PP siêu âm	TCVN 1548:87; TCVN 6735:00
139	Kiểm tra không phá hủy - PP thẩm thấu, PP dùng bột từ	TCVN 4617:88; TCVN 4396: 86
140	Lớp phủ, mạ kim loại	TCVN 5408:07; TCVN 4392:86
141	Thử nghiệm bulong, đai ốc, ốc vít, nở sắt	TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89
142	Thử nghiệm mối nối bằng ống ren	TCVN 197-1:14; TCVN 8163:09
143	Nhôm và hợp kim nhôm - Tính chất cơ lý	TCVN 5839:1994
144	Thử nghiệm nắp hồ ga và song chắn rác	TCVN 10333:14
XVIII	THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN	
145	Đường kính sợi, đường kính ruột dẫn, chiều dày lớp cách điện, chiều dày vỏ bọc, điện trở ruột dẫn, điện trở cách điện, thử kéo dây	TCVN 2103:94
XIX	THỬ NGHIỆM BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
146	Xác định độ kim lún ở 25oC	TCVN 7495:2005
147	Xác định độ kéo dài ở 25oC	TCVN 7496:2005
148	Xác định điểm hoá mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005
149	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
150	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005; TCVN 11710:2017; TCVN 11711:2017
151	Xác định độ hoà tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005
152	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
153	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
154	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
155	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
156	Xác định nhiệt độ bắt lửa của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-2:2011
157	Xác định hàm lượng nước của nhựa đường lỏng	TCVN 8818-3:2011
158	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
159	Xác định độ nhớt	TCVN 8818-5:2011
160	Xác định độ đàn hồi	TCVN 11194:2017
161	Xác định hàm lượng polime	AASHTO T302-05
162	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017
163	Xác định các đặc tính lưu biến bằng lưu biến kế cắt động	TCVN 11808:2017

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
XX	THỬ NGHIỆM NHỰA TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG	
164	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011
165	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
166	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm bằng sàng)	TCVN 8817-4:2011
167	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
168	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
169	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
170	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
171	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
172	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
173	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
174	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
175	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
176	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
177	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
XXI	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG	
178	Đánh giá hình dáng bên ngoài	22 TCN 58-84
179	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020
180	Xác định lượng mất khi nung	22 TCN 58-84
181	Xác định độ ẩm, hệ số thích nước	22 TCN 58-84; TCVN 12884-2:2020
182	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58-84
183	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ rỗng dư, độ ổn định, độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
184	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa	22 TCN 58-84
185	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
XXII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
186	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
187	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
188	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
189	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
190	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
191	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011
192	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
193	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
194	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
195	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
196	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
197	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011
198	Xác định độ hao mòn Cantabro	TCVN 11415:2016

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
199	Thử nghiệm thu hồi nhựa đường từ dung dịch sau khi chiết bằng phương pháp Abson	TCVN 11633:2017
XXIII	THỬ NGHIỆM ống NHỰA PVC, HDPE, PPR, PE VÀ PHỤ KIỆN ống	
200	Xác định kích thước, sự thay đổi theo chiều dọc	TCVN 6145:07; TCVN 6148:07
201	Độ bền kéo, độ bền va đập, độ cứng vòng	TCVN 7434:04; TCVN 6144:03; TCVN 8850:11
202	Độ bền áp suất bên trong, độ kín khít	TCVN 6149:07; TCVN 6041:96
203	Xác định thông số kích thước hình học	TCVN 6150:03; TCVN 8491:11
XXIV	THỬ NGHIỆM SƠN, VECNI, SƠN EPOXY	
204	Độ mịn	TCVN 2091:2015
205	Xác định thời gian chảy, độ chảy	TCVN 2092:2013
206	Hàm lượng chất rắn, chất tạo màng	TCVN 2093:1993
207	Độ phủ	TCVN 2095:1993
208	Thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:2015
209	Xác định độ bám dính	TCVN 2097:2015
210	Độ cứng màng sơn	TCVN 2098:2015
211	Độ bền va đập	TCVN 2100:2013
212	Độ bóng	TCVN 2101:2016
213	Màu sắc	TCVN 2102:2008
214	Tỷ trọng	ISO 2811-1:2011
215	Sơn kẻ đường nhiệt dẻo, sơn phản quang: khối lượng riêng, độ bền nhiệt, độ kháng chảy, độ mài mòn, độ phản quang, độ phát sáng, chiều dày màng sơn	TCVN 8791:18
216	Sơn tường: Độ bền màng với nước, độ bền rửa trôi, độ bền kiềm	TCVN 8653:12
217	Sơn Epoxy: Tính đồng nhất, tính ổn định, độ mịn, thời gian khô, độ bền va đập, khả năng chịu kiềm	TCVN 9014:11
XXV	THỬ NGHIỆM GỖ, VÁN GỖ	
218	Gỗ tự nhiên: Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ bền uốn tĩnh, giới hạn bền nén, giới hạn bền kéo	TCVN 8048:09; TCVN 8046:09
219	Ván sợi, ván gỗ, ván MDF: Sai lệch kích thước, khối lượng, độ ẩm, độ bền uốn tĩnh, độ bền kéo vuông góc	TCVN 7753:07; TCVN 7755:07; TCVN 7756:07
XXVI	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
220	Kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:18; TCVN 9808:13; TCVN 7527:05; TCVN 7528:08; TCVN 7364:04
221	Độ bền va đập, phá vỡ mẫu	TCVN 7368:13; TCVN 7455:13
XXVII	THỬ NGHIỆM NƯỚC	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
222	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
223	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988
224	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
225	Xác định hàm lượng clorua - Phương pháp MO	TCVN 6194:1996
226	Xác định hàm lượng sunfat - Phương pháp trọng lượng sử dụng bari clorua	TCVN 6200:1996
227	Váng dầu mỡ và màu sắc	TCVN 4506:2012
XXVIII	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA, TRO BAY	
228	Phụ gia hóa học cho bê tông: Xác định độ PH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô, hàm lượng inon clo, hàm lượng tro, khả năng giảm nước so với mẫu đối chứng, thời gian đông kết so với mẫu đối chứng, cường độ uốn, nén so với mẫu đối chứng	TCVN 8826:11
229	Tro bay: Xác định độ ẩm, lượng nước yêu cầu, hàm lượng mất khi nung, lượng lọt sàng, độ mịn	TCVN 10302:14
XXIX	THỬ NGHIỆM THẠCH CAO, KHUNG XƯƠNG, BỘT BẢ	
230	Tấm thạch cao: Xác định kích thước, độ chịu uốn, độ hút nước	TCVN 8257:09
231	Khung xương thạch cao: Xác định kích thước, độ bền kéo	ASTM C635/C635M-17; TCVN 12694:2020
232	Bột bả: Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính	TCVN 7239:14
XXX	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CHỐNG THẤM, BĂNG CẢN NƯỚC	
233	Thí nghiệm vật liệu chống thấm - băng cản nước	TCVN 9407:2014
XXXI	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT	
234	Thí nghiệm vải địa kỹ thuật	TCVN 8871:2011 TCVN 9138:2012 TCVN 8482, 8483, 8484, 8485:2010

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.